

BỘ ĐỀ NÂNG CAO TOÁN LỚP 2 HỌC KÌ 2 NĂM 2021

Đề nâng cao Toán lớp 2 học kì 2 năm 2021 - Đề số 1

Phần trắc nghiệm (2 điểm)

Khoanh tròn vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Trong các số 564; 654; 645; 655; 644; 666 số lớn nhất là:

A. 666 B. 645 C. 655

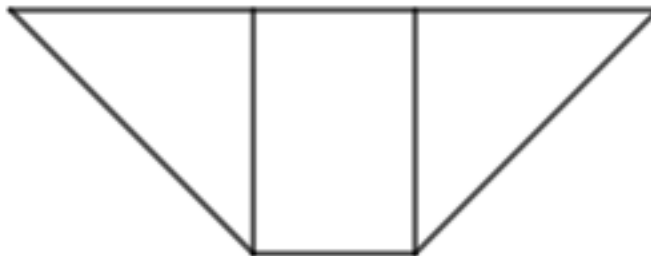
Câu 2. Số gồm 2 trăm 7 chục 2 đơn vị được viết là:

A. 227 B. 272 C. 227

Câu 3. Chu vi tam giác ABC có độ dài các cạnh $AB = 34\text{cm}$, $BC = 20\text{cm}$, $AC = 16\text{cm}$ là:

A. 70cm B. 54cm C. 60cm

Câu 4. Cho hình vẽ:



Hình vẽ trên có:

A. 2 hình tam giác và 3 hình tứ giác

B. 2 hình tam giác và 4 hình tứ giác

C. 2 hình tam giác và 2 hình tứ giác

Phần tự luận (8 điểm)

Câu 5. Đặt tính rồi tính:

254 + 235 146 + 153

768 – 523 580 – 254

.....
.....
.....

Câu 6. Tìm x, biết:

a) $467 + x = 877 - 162$

b) $x - 214 = 61 + 345$

c) $x : 5 = 10 \times 2$

d) $x \times 4 = 30 - 10$

.....
.....
.....

Câu 7.

a) Có 50 kg gạo chia đều vào các túi, mỗi túi chứa 5 kg. Hỏi chia được tất cả bao nhiêu túi gạo?

b) Bể thứ nhất chứa được 768 lít nước, bể thứ hai chứa được ít hơn bể thứ nhất 235 lít. Hỏi cả hai bể chứa được tất cả bao nhiêu lít nước?

.....
.....
.....

Câu 8. Mỗi tuần lễ em đi học 5 ngày, còn lại là ngày nghỉ. Hỏi trong 8 tuần lễ:

a) Em đi học bao nhiêu ngày?

b) Em nghỉ học bao nhiêu ngày?

.....

.....

.....

Đáp án chi tiết**Phần trắc nghiệm (2 điểm)**

Câu 1. Chọn A

Câu 2. Chọn B

Câu 3. Chọn A

Câu 4. Chọn B

Phần tự luận (8 điểm)

Câu 5.

$$\begin{array}{r} 254 \\ + 235 \\ \hline 489 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 146 \\ + 153 \\ \hline 299 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 768 \\ - 523 \\ \hline 245 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 580 \\ - 254 \\ \hline 326 \end{array}$$

Câu 6.

a) $467 + x = 877 - 162$

$467 + x = 715$

$x = 715 - 467$

$x = 248$

$$\text{b) } x - 214 = 61 + 345$$

$$x - 214 = 406$$

$$x = 406 + 214$$

$$x = 620$$

$$\text{c) } x : 5 = 10 \times 2$$

$$x : 5 = 20$$

$$x = 20 \times 5$$

$$x = 100$$

$$\text{d) } x \times 4 = 30 - 10$$

$$x \times 4 = 20$$

$$x = 20 : 4$$

$$x = 5$$

Câu 7.

a) 50kg gạo chia được vào số túi là:

$$50 : 5 = 10 \text{ (túi)}$$

Đáp số: 10 túi

b) Bể thứ hai chứa được số lít nước là:

$$768 - 235 = 533 \text{ (lít)}$$

Cả hai bể chia được tất cả số lít nước là:

$$768 + 533 = 1301 \text{ (lít)}$$

Đáp số: 1301 lít nước

Câu 8.

a) Trong 8 tuần, em đi học số ngày là:

$$5 \times 8 = 40 \text{ (ngày)}$$

b) Trong 1 tuần, em được nghỉ số ngày là:

$$7 - 5 = 2 \text{ (ngày)}$$

Trong 8 tuần, em được nghỉ số ngày là:

$$2 \times 8 = 16 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: 16 ngày.

Đề thi Toán nâng cao lớp 2 học kì 2 năm 2021 - Đề số 2

Câu 1. Viết (theo mẫu)

345 3 trăm, 4 chục, 5 đơn vị

$$345 = 300 + 40 + 5$$

7 trăm, 0 chục, 1 đơn vị

$$812 = 800 + 10 + 2$$

567

6 trăm, 9 chục, 2 đơn vị

Câu 2. Tính nhẩm:

$$3 \times 4 = \dots\dots\dots \quad 3 \times 5 = \dots\dots\dots$$

$$4 \times 7 = \dots\dots\dots \quad 5 \times 4 = \dots\dots\dots$$

$$15 : 3 = \dots\dots\dots \quad 24 : 4 = \dots\dots\dots$$

$$5 \times 6 = \dots\dots\dots \quad 5 \times 9 = \dots\dots\dots$$

$$25 : 5 = \dots\dots\dots$$

Câu 3. Đặt tính rồi tính:

$$356 + 212 \quad 857 - 443$$

$$96 - 48 \quad 159 + 220$$

.....

.....

.....

Câu 4. Thực hiện phép tính:

$$4 \times 5 + 10 =$$

$$3 \times 9 - 20 =$$

.....

.....

.....

Câu 5. Tìm x, biết:

a. $113 + 142 + x = 999 - 103$

b. $x - 124 = 400 + 56$

c. $963 - x = 869 - 28 : 4$

.....

.....

.....

Câu 7. Tính hiệu của số tròn trăm lớn nhất có ba chữ số và số lẻ bé nhất có ba chữ số khác nhau.

.....

.....

.....

Câu 8. Cho đường gấp khúc ABCD. Biết độ dài đường gấp khúc ABC là 13cm, độ dài đường gấp khúc BCD là 10cm, độ dài đoạn thẳng BC là 6cm. Hãy tính:

a) Độ dài đoạn thẳng AB và độ dài đoạn thẳng CD.

b) Độ dài đường gấp khúc ABCD.

.....
.....
.....

Câu 9. Anh cao 169 cm và cao hơn em 25cm. Hỏi cả hai anh em cao bao nhiêu cm?

.....
.....
.....

Câu 10. Để đánh số trang một quyển sách từ 134 đến 143, ta phải dùng hết bao nhiêu chữ số?

.....
.....
.....

Đáp án chi tiết

Câu 1.

| | | |
|-----|--------------------------|----------------------|
| 345 | 3 trăm, 4 chục, 5 đơn vị | $345 = 300 + 40 + 5$ |
| 701 | 7 trăm, 0 chục, 1 đơn vị | $701 = 700 + 0 + 1$ |
| 812 | 8 trăm, 1 chục, 2 đơn vị | $812 = 800 + 10 + 2$ |
| 567 | 5 trăm, 6 chục, 7 đơn vị | $567 = 500 + 60 + 7$ |
| 692 | 6 trăm, 9 chục, 2 đơn vị | $692 = 600 + 90 + 2$ |

Câu 2.

$3 \times 4 = 12$ $3 \times 5 = 15$
 $4 \times 7 = 28$ $5 \times 4 = 20$

$$15 : 3 = 5 \quad 24 : 4 = 6$$

$$5 \times 6 = 30 \quad 5 \times 9 = 45$$

$$25 : 5 = 5$$

Câu 3.

$$\begin{array}{r} 356 \\ + 212 \\ \hline 568 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 857 \\ - 443 \\ \hline 414 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 96 \\ - 48 \\ \hline 48 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 159 \\ + 220 \\ \hline 379 \end{array}$$

Câu 4.

$$4 \times 5 + 10 = 20 + 10 = 30$$

$$3 \times 9 - 20 = 27 - 20 = 7$$

Câu 5.

a. $113 + 142 + x = 999 - 103$

$$255 + x = 896$$

$$x = 896 - 255$$

$$x = 641$$

b. $x - 124 = 400 + 56$

$$x - 124 = 456$$

$$x = 456 + 124$$

$$x = 580$$

$$c. 963 - x = 869 - 28 : 4$$

$$963 - x = 869 - 7$$

$$963 - x = 862$$

$$x = 963 - 862$$

$$x = 101$$

Câu 7.

Số tròn trăm lớn nhất có ba chữ số là: 900

Số lẻ bé nhất có ba chữ số khác nhau là: 103

Hiệu của hai số là: $900 - 103 = 797$

Đáp số: 797

Câu 8.

a)

Độ dài đoạn thẳng AB là:

$$13 - 6 = 7 \text{ (cm)}$$

Độ dài đoạn thẳng CD là:

$$10 - 6 = 4 \text{ (cm)}$$

b)

Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

$$7 + 6 + 4 = 17 \text{ (cm)}$$

Đáp số: a) 7cm; 7cm b) 17cm

Câu 9.

Chiều cao của em là:

$$169 - 25 = 144 \text{ (cm)}$$

Chiều cao của cả hai anh em là:

$$169 + 144 = 313 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 144cm; 313cm

Câu 10.

Từ 134 đến 143 có 10 số có chữ số.

Phải dùng hết số chữ số là:

$$3 \times 10 = 30 \text{ (chữ số)}$$

Đáp số: 30 chữ số.

Đề thi toán lớp 2 nâng cao học kì 2 năm 2021 - Đề số 3**Phần trắc nghiệm (3 điểm)**

Câu 1. Kết quả của phép tính: $245 - 59 = ?$

A. 304

B. 186

C. 168

D. 286

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $1 \text{ m} = \dots \text{ cm}$

A. 10 cm

B. 100 cm

C. 1000 cm

D. 1 cm

Câu 3. Kết quả của phép tính $0 : 4$ là:

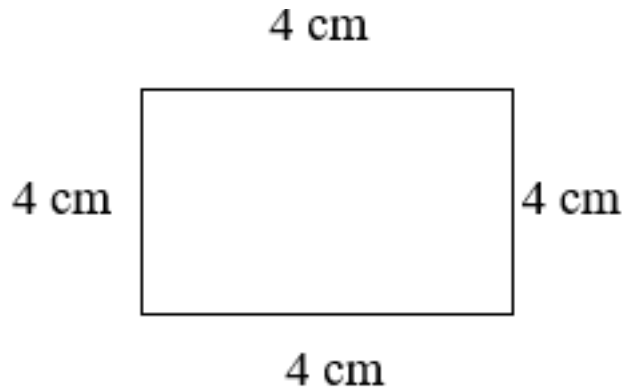
A. 0

B. 1

C. 4

D. 40

Câu 4. Độ dài đường gấp khúc sau là:



A. 16 cm

B. 20 cm

C. 15 cm

D. 12 cm

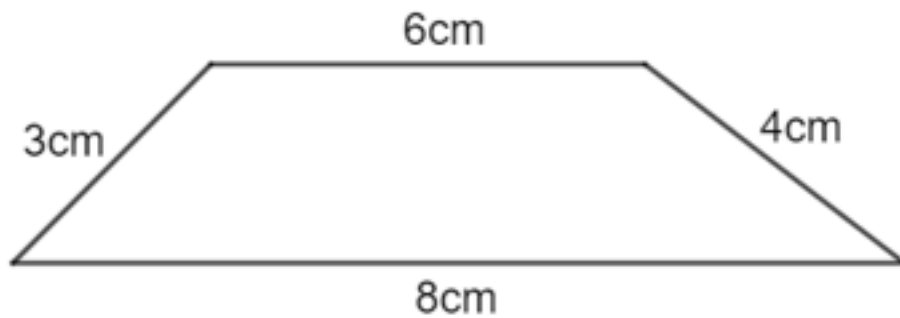
Câu 5. $30 + 50 \dots 20 + 60$. Dấu cần điền vào ô trống là:

A. <

B. >

C. =

Câu 6. Chu vi hình tứ giác



A. 19cm

B. 20cm

C. 21cm

D. 22cm

Phần tự luận (7 điểm)**Câu 7.** Đặt tính rồi tính

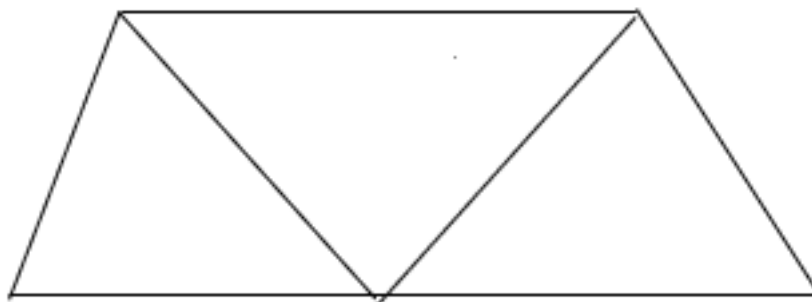
$$465 + 213 \quad 857 - 432$$

$$459 - 19 \quad 234 + 296$$

Câu 9. Tính:

a) $10 \text{ kg} + 36 \text{ kg} - 21 \text{ kg} =$

b) $18 \text{ cm} : 2 + 45 \text{ cm} =$

Câu 10. Lớp 2C có 30 học sinh. Một phần ba số học sinh lớp 2C là nữ. Hỏi lớp 2C có bao nhiêu học sinh nữ? Bao nhiêu học sinh nam?**Câu 11.**

Hình bên có hình tứ giác

Hình bên có hình tam giác

Câu 12. Một bác thợ may dùng 20 m vải để may 5 bộ quần áo giống nhau. Hỏi để may một bộ quần áo như thế cần bao nhiêu mét vải?**Câu 13.** Tìm hiệu của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số với số chẵn lớn nhất có một chữ số.**Đáp án & Thang điểm**

Phần trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1. Chọn B

Câu 2. Chọn B

Câu 3. Chọn A

Câu 4. Chọn A

Câu 5. Chọn C

Câu 6. Chọn C

Phần tự luận (7 điểm)

Câu 7.

$$\begin{array}{r} 465 \\ + 213 \\ \hline 678 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 857 \\ - 432 \\ \hline 425 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 459 \\ - 19 \\ \hline 440 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 234 \\ + 296 \\ \hline 530 \end{array}$$

Câu 9.

a) $10\text{kg} + 36\text{kg} - 21\text{kg} = 46\text{kg} - 21\text{kg} = 25\text{kg}$

b) $18\text{ cm} : 2 + 45\text{ cm} = 9\text{cm} + 45\text{cm} = 54\text{cm}$

Câu 10.

Lớp 2C có số học sinh nữ là:

$$30 : 3 = 10 \text{ (học sinh)}$$

Lớp 2C có số học sinh nam là:

$$30 - 10 = 20 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: Nữ: 10 học sinh; Nam: 20 học sinh

Câu 11.

Có 3 hình tứ giác

Có 3 hình tam giác

Câu 12.

May 1 bộ quần áo cần số mét vải là:

$$20 : 5 = 4 \text{ (m)}$$

Đáp số: 4m

Câu 13.

Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là: 90

Số chẵn lớn nhất có một chữ số là: 8

Hiệu hai số đó là: $90 - 8 = 82$

Đáp số: 82

Đề toán nâng cao lớp 2 học kỳ 2 năm 2021 - Đề số 4

Câu 1. Số liền sau của số 499 là:

A. 497

B. 498

C. 500

Câu 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ chấm:

457 467 650 650

299 399 401 397

Câu 3. Giá trị của biểu thức $20 : 2 - 5$ là:

A. 2

B. 5

C. 7

Câu 4. Giá trị của x trong biểu thức $x \times 3 = 12$ là:

A. 36

B. 9

C. 4

Câu 5. Đặt tính rồi tính:

$$738 + 241 \quad 846 - 734$$

$$48 + 37 \quad 92 - 19$$

Câu 6. Hãy viết tất cả các số có ba chữ số mà tổng của ba chữ số đó bằng 3.

Câu 7. Tính (theo mẫu):

a) $1 \text{ giờ} + 2 \text{ giờ} = \dots\dots\dots$

$5 \text{ giờ} - 2 \text{ giờ} = \dots\dots\dots$

b) $4 \text{ giờ} \times 3 = \dots\dots\dots$

$12 \text{ giờ} : 3 = \dots\dots\dots$

c) $2\text{dm} + 3\text{cm} + 4\text{mm} = \dots\dots\dots$

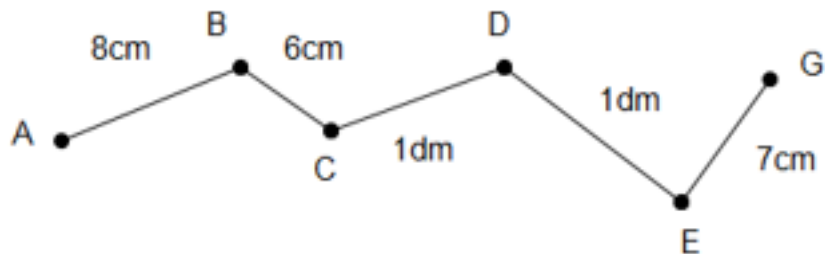
$15\text{dm} + 30\text{cm} = \dots\dots\dots$

Câu 8. Một ô tô chở khách dừng lại bến đỗ. Có 6 người xuống xe và 4 người lên xe. Xe tiếp tục chạy, lúc này trên xe có tất cả 40 hành khách. Hỏi trước khi dừng lại bến đỗ đó, trên xe có bao nhiêu hành khách?

Câu 9. Trường Tiểu học Phong Hải có 430 học sinh nữ. Số học sinh nam ít hơn số học sinh nữ là 120 học sinh. Hỏi trường đó có tất bao nhiêu học sinh?

Câu 10. Lớp 3A có tất cả 40 học sinh, được chia đều vào 4 tổ. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu học sinh?

Câu 11. Tính độ dài đường gấp khúc:



Đáp án chi tiết

Câu 1. Chọn C

Câu 2.

$$457 < 467 \quad 650 = 650$$

$$299 < 399 \quad 401 > 397$$

Câu 3. Chọn B

Câu 4. Chọn C

Câu 5.

$$\begin{array}{r} 738 \\ + 241 \\ \hline 979 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 846 \\ - 734 \\ \hline 112 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 37 \\ \hline 85 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 92 \\ - 19 \\ \hline 73 \end{array}$$

Câu 6.

Ta có: $3 = 1 + 1 + 1 = 2 + 1 + 0 = 3 + 0 + 0$

Các số có ba chữ số mà tổng của ba chữ số đó bằng 3 là: 111, 210, 201, 102, 120, 300

Câu 7.

a) $1 \text{ giờ} + 2 \text{ giờ} = 3 \text{ giờ}$

$5 \text{ giờ} - 2 \text{ giờ} = 3 \text{ giờ}$

b) $4 \text{ giờ} \times 3 = 12 \text{ giờ}$

$12 \text{ giờ} : 3 = 4 \text{ giờ}$

c) $2\text{dm} + 3\text{cm} + 4\text{mm} = 200\text{mm} + 30\text{mm} + 4\text{mm} = 234\text{mm}$

d) $15\text{dm} + 30\text{cm} = 150\text{cm} + 30\text{cm} = 180\text{cm}$

Câu 8.

Trước khi dừng lại bến đỗ, trên xe có số hành khách là:

$40 - 6 + 4 = 38$ (hành khách)

Đáp số: 38 hành khách

Câu 9.

Số học sinh nam là:

$430 - 120 = 310$ (học sinh)

Có tất cả số học sinh là:

$310 + 430 = 740$ (học sinh)

Đáp số: 740 học sinh

Câu 10.

Mỗi tổ có số học sinh là:

$40 : 4 = 10$ (học sinh)

Đáp số: 10 học sinh

Câu 11.

Đổi $1\text{dm} = 10\text{cm}$

Độ dài đường gấp khúc ABCDEG là:

$$8 + 6 + 10 + 10 + 7 = 41 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 41cm